TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2024/DS-ST
Ngày 05-6-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Hồ Quang Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam là thư ký TAND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thơm, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2023/TLST-DS, ngày 20/12/2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-DS, ngày 19/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2024/QĐST-DS, ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1964 – Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị A, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2023)- Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Trần Thị K, sinh năm 1960, nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông (đều vắng mặt).

Chổ ở hiện nay: Thôn Q, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị A (vợ ông Trần Văn H), địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2023 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 19/12/2023), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, đồng thời là người có QLNVLQ bà Nguyễn Thị A trình bày:

Do quen biết nên ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A đã bán phân bón các loại cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị K nhiều lần, đến ngày 20/12/2017 ông T, bà K chốt số nợ số tiền là 94.560.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi là 20%/năm, hẹn cuối năm 2017 sẽ thanh toán đủ gốc và lãi, giấy viết là do bà A (vợ ông H) viết, chữ ký và chữ viết tên ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị K là do ông T, bà K ký và viết tại nhà ông H, bà A.

Sau đó đến ngày 20/4/2018 âm lịch bà K đến nhà chở 20 bao Đầu trâu, giá 550.000 đồng/bao, thành tiền là 11.000.000 đồng và mua thêm 12 kg phân lẻ NPK x12.000 đồng/kg = 150.000 đồng. Thành tiền: 11.000.000 đồng +150.000 đồng=11.150.000 đồng.

Ngày 29/6/2018 âm lịch bà K đến nhà chở 24 bao NPK, giá 570.000 đồng/bao x 24 bao = 13.680.000 đồng.

Tổng cộng là 94.560.000 đồng + 11.150.000 đồng + 13.680.000 đồng = 119.390.000 đồng.

Từ năm 2017 cho đến nay Nguyên đơn có đòi nhiều lần nhưng ông T, bà K không trả số tiền nào. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị K thanh toán số tiền 119.540.000 đồng. Qúa trình chuẩn bị xét xử người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A rút yêu cầu đối với số tiền 150.000 đồng trong tổng số tiền 119.540.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả 119.390.000 đồng. Tại phiên tòa bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 24.830.000 đồng, là tiền mua phân bón vào ngày 20/4/2018 âm lịch và ngày 29/6/2018 âm lịch, chỉ yêu cầu ông T, bà K trả số tiền 94.560.000 đồng đã chốt nợ vào ngày 20/12/2017.

Biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T không nhớ thời gian nhưng ngày 20/12/2017 ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị K chốt nợ số tiền 94.560.000 đồng, chữ ký và chữ viết rõ họ tên là do ông T, bà K ký và ghi rõ họ và tên Nguyễn Văn T, bà Trần Thị K, số tiền 94.560.000 đồng thì các bên đã thỏa thuận lãi rồi nên mới còn nợ số tiền này và các bên hẹn thời gian hằng năm đến mùa cà phê sẽ trả nhưng do ông T già yếu, đồng thời lại bị mất mùa nên không có tiền để trả. Còn các lần sau thì ông T không mua phân bón, cũng như không ký và cũng không nợ ông H, bà A số tiền là 24.830.000 đồng, các giấy tờ được viết là do bà A (vợ ông H) viết. Ông T đồng ý cùng bà K trả tiền cho ông H bà A số tiền 94.560.000 đồng, tuy nhiên hiện nay ông T đã già không còn tiền để trả nợ cho ông H bà A. Đối với số tiền 24.830.000 đồng ông T không đồng ý thanh toán cho ông H bà A vì ông T không biết số tiền này.

Bị đơn bà Trần Thị K vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự

thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị K phải thanh toán số tiền 94.560.000 đồng *(Chín mươi tư triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị K phải thanh toán số tiền 24.830.000 đồng *(Hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng)*. Ông Trần Văn H có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị K phải thanh toán số tiền mua phân bón là 119.390.000 đồng. Vì vậy đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị K có nơi thường trú: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông và chổ ở hiện nay: Thôn Q, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà K.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 24.830.000 đồng, trong đó của ngày 20/4/2018 âm lịch số tiền 11.150.000 đồng và ngày 29/6/2018 âm lịch số tiền 13.680.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái pháp luật, vì vậy căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trần Văn H đối với số tiền 24.830.000 đồng *(Hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng)*.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán số tiền mua phân bón là 94.560.000 đồng.

Lời khai của các đương sự thể hiện năm 2017 ông T, bà K mua hàng hóa là phân bón của ông H, bà A nhiều lần, đến ngày 20/12/2017 ông T, bà K chốt nợ và nhận nợ với tổng số tiền 94.560.000 đồng, Nội dung này được thể hiện tại giấy viết bằng bút mực màu xanh có tựa đề "tổng nợ cũ", đề ngày 20/12/2017, giấy tờ do bà A viết, ông T và bà K ký và ghi tên "Nguyễn Văn T", "Trần Thị K" nợ số tiền 94.560.000 đồng,

tại phần này ông T thừa nhận vợ chồng ông T, bà K nợ ông H, bà A số tiền 94.560.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà K không có văn bản ý kiến đối với việc khởi kiện của Nguyên đơn.

Điều 430 Bộ luật dân sự quy định : *"Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán."*

Điều 440 Bộ luật dân sự quy định: *"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.*

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản."

Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *"2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh."*

Khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự quy định quyền, nghĩa vụ của đương sự: " *Cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình*".

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông T, bà K thanh toán cho ông H, bà A số tiền mua phân bón mà ông T, bà K đã ký nhận trong giấy tờ ngày 20/12/2017 là 94.560.000 đồng *(Chín mươi tư triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

[2.2]. Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm là 94.560.000 đồng x 5% = 4.728.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng*). Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị K có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 4.728.000 đồng. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, do đó ông Nguyễn Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.364.000 đồng *(Hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng)*, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo quy định.

Hoàn trả ông Trần Văn H số tiền 2.989.000 đồng *(Hai triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0000441, ngày 19/12/2023

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị K phải thanh toán cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị A tổng số tiền là 94.560.000 đồng *(Chín mươi tư triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị K phải thanh toán số tiền 24.830.000 đồng *(Hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng)*. Ông Trần Văn H có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 94.560.000 đồng x 5% = 4.728.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng*). Ông Nguyễn Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà Trần Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.364.000 đồng *(Hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng)*, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo quy định.

Hoàn trả ông Trần Văn H số tiền 2.989.000 đồng *(Hai triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0000441, ngày 19/12/2023

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và lợi ích hợp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đực thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CC THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà

Võ Thị Nhi